

Chính sách an ninh Biển Đông của ASEAN

LÊ SĨ HÙNG*

Biển Đông (Trung Quốc gọi là Biển Nam Trung Hoa) nằm giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, có tầm quan trọng về địa - chính trị và địa - kinh tế. Trong Biển Đông có hai quần đảo Hoàng Sa (Paracel Islands) và Trường Sa (Spratly Islands). Hai quần đảo giữ vị trí chiến lược vô cùng quan trọng, đặc biệt là kiểm soát các tuyến đường giao thông trên biển. Các tuyến đường cáp viễn thông ngầm dưới đáy biển của Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, Mỹ, Ớtxtrâylia, Đài Loan đều nằm sát khu vực quần đảo Trường Sa. Trong những năm gần đây việc phát hiện các các nguồn tài nguyên biển giàu có⁽¹⁾, đặc biệt là dầu lửa ở Biển Đông đã thành nguyên nhân chủ yếu của những cuộc tranh chấp về quyền lợi biển ngày càng quyết liệt.

1. Tranh chấp ở Biển Đông

Tranh chấp quyền lợi ở Biển Đông có liên quan đến nhiều nước. Theo tài liệu của Việt Nam, chính quyền phong kiến Việt Nam thời Nguyễn đã cắm mốc chủ quyền và nắm quyền quản lý một số đảo

ở Biển Đông. Chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương sớm nhận thấy vị trí quan trọng của các hòn đảo ở Biển Đông: *"lần đầu tiên những tuyên bố về chủ quyền với các đảo Hoàng Sa và Trường Sa được chính quyền Pháp ở Đông Dương và chính quyền Việt Nam đưa ra vào những năm 30 của Thế kỉ XX. Theo công báo của Pháp năm 1933, Chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương đã cử các tàu chiến đến các đảo Hoàng Sa và Trường Sa, xây bia chủ quyền và khẳng định chủ quyền trên các đảo đó. Sau đó Bộ Ngoại giao Pháp đã chính thức khẳng định việc chiếm đóng các hòn đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Năm 1938, Vua Việt Nam Bảo Đại ra chiếu chỉ khẳng định các hòn đảo ở Hoàng Sa và Trường Sa là đất thuộc chủ quyền Việt Nam"*⁽²⁾.

Cuộc tranh cãi giữa các nước về chủ quyền đối với các đảo thuộc Hoàng Sa và Trường Sa chính thức bắt đầu vào những năm 50 của thế kỉ XX.

Ngày 17 tháng 5 năm 1951, Philippin tuyên bố các đảo phía bắc quần đảo Hoàng Sa nằm gần Philippin thuộc chủ quyền của

* Ths. Lê Sĩ Hùng, Đại học Hồng Đức

Philippin. Ngay sau đó ngày 19-5-1951 Trung Quốc ra tuyên bố bác bỏ và coi đó là vi phạm chủ quyền của Trung Quốc. Cuối những năm 60 đầu những năm 70 của Thế kỉ XX, chính phủ Philippin đã nhiều lần ra tuyên bố *“các đảo chưa có chủ nhân, nằm gần Philippin nhất và có ý nghĩa với an ninh của Philippin là các đảo thuộc chủ quyền của Philippin”*⁽³⁾. Trên cơ sở của lập luận đó chính phủ Philippin đã đưa quân đội ra chiếm giữ một số đảo ở Trường Sa gần Philippin nhất.

Cũng trong thời gian này chính quyền Nam Việt Nam đã nắm quyền kiểm soát nhiều đảo trong quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Năm 1974 lợi dụng lúc chính quyền ngụy Sài Gòn suy yếu, Trung Quốc đã đánh chiếm phần lớn các đảo trong quần đảo Hoàng Sa do chính quyền Sài Gòn kiểm soát và nắm giữ quần đảo này từ ngày ấy.

Về phần mình, các nước Malaixia, Brunây đã từng tuyên bố chủ quyền với các đảo ở phía nam Trường Sa. Đài Loan cũng đã tuyên bố chủ quyền với một số hòn đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

Tình hình tranh chấp ấy kéo dài trong nhiều năm. Cho đến nay các nước liên quan đã thực hiện được chủ quyền với hầu hết các đảo. Theo tài liệu của các nhà nghiên cứu Nga tại Đại học ngoại giao Matxcova: *“Tại Biển Đông Trung Quốc chiếm giữ 70 đảo, Việt Nam kiểm soát 21 đảo, Philippin nắm giữ 8 đảo, Malaixia nắm giữ 3 đảo và Đài Loan kiểm soát 1 đảo, song là đảo lớn nhất”*⁽⁴⁾.

Như vậy cho đến nay khu vực đảo Trường Sa là nơi tranh chấp chủ quyền của 7 nước và vùng lãnh thổ: Trung Quốc, Việt Nam, Philippin, Đài Loan, Malaxia,

Indônêxia và Brunây.

Có thể xem vấn đề tranh chấp ở Biển Đông là một trong những điểm nóng, một bài toán khó giải. Khu vực xung quanh quần đảo Trường Sa được coi là giàu tiềm năng về dầu khí. Kể từ sau cuộc khủng hoảng dầu lửa năm 1973 thì tranh chấp ở khu vực này càng trở nên căng thẳng⁽⁵⁾. Mặc dù đã có hiệp định giữa các bên cam kết không làm mất ổn định tình hình ở đây, song các nước đều có những hành động đơn phương nhằm khẳng định chủ quyền của mình, như cắm cột mốc trong khu vực của họ; xây dựng các trạm nghiên cứu khoa học biển; ban hành luật tuyên bố chủ quyền đối với toàn bộ khu vực hay một phần quần đảo này; cho phép các đoàn du lịch và nhà báo tới thăm khu vực đảo của họ; kí hợp đồng khai thác dầu khí với các công ty nước ngoài...

Các nước cũng đã triển khai lực lượng quân sự để bảo vệ chủ quyền ở quần đảo Trường Sa: *“trừ Brunây, còn tất cả các nước đều triển khai quân đội đóng trên các hòn đảo và các bãi đá thuộc khu vực Trường Sa. Đôi khi một số nước đã sử dụng vũ lực để chiếm đóng và bảo vệ các hòn đảo nhỏ và bãi đá san hô”*⁽⁶⁾.

Năm 1992, Trung Quốc thông qua luật biển, theo đó toàn bộ các đảo ở Hoàng Sa và Trường Sa đều thuộc chủ quyền của Trung Quốc, diện tích lãnh hải của Trung Quốc ở Biển Đông lên đến gần 3 triệu km². Trung Quốc là nước có lực lượng quân sự và tiềm lực kinh tế mạnh nhất trong số các nước tranh chấp chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, do đó bất cứ sự thay đổi nào ở đây chủ yếu xuất phát từ chính sách và hành động của Trung Quốc. Trung Quốc đòi hỏi các bất

đồng phải được giải quyết thông qua đàm phán tay đôi giữa các bên tranh chấp mà không có sự can thiệp của nước ngoài.

Tháng 3-1997 Công ty dầu khí biển của Trung Quốc đưa dàn khoan vào vùng lãnh hải cách bờ biển Việt Nam 120 km. Việt Nam đã kêu gọi ASEAN thuyết phục Trung Quốc đi vào đàm phán, Trung Quốc đã chấp nhận đàm phán và giàn khoan của Trung Quốc đã rút khỏi khu vực này. Tiếp đó vào tháng 4-1997 ba tàu khu trục nhỏ của hải quân Trung Quốc đã tiến vào khu vực quần đảo Trường Sa mà Philippin tuyên bố chủ quyền. Với sự kiện này Trung Quốc đã gây ra sự lo ngại của các nước ASEAN về vấn đề Biển Đông. Tuy nhiên hai bên Trung Quốc và Philippin đã cam kết kiềm chế và không sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp ở Trường Sa⁽⁷⁾.

Cho đến nay việc tranh chấp về chủ quyền của các nước tại khu vực Biển Đông vẫn chưa được giải quyết, chủ yếu là do những nhân tố chủ yếu sau:

Thứ nhất: Lợi ích tiềm tàng về nguồn dầu khí, cá và khoáng sản là động cơ quan trọng dẫn đến các cuộc tranh chấp chủ quyền ở khu vực này.

Thứ hai: quần đảo Trường Sa rất gần tuyến đường giao thông chính trên biển Đông, việc có được một chỗ đứng chân hoặc ngăn chặn các nước khác đứng chân là yếu tố tạo cho các bên hữu quan đưa ra yêu cầu chủ quyền đối với khu vực này.

Thứ ba: Liên quan đến chủ quyền dân tộc, an ninh quốc gia của các nước ở vùng biển này, các nước đều không muốn nhượng bộ lập trường của mình về vấn đề chủ quyền ở Biển Đông. Ví dụ, Philippin tuyên bố những đảo và bãi đá ngầm tại

khu vực Biển Đông là vô cùng cần thiết với chiến lược phòng ngự và bảo vệ biên giới quần đảo của Philippin.

2. Chính sách an ninh Biển Đông của ASEAN

Trước tình hình tranh chấp ở Biển Đông diễn ra ngày càng phức tạp, ASEAN cho rằng vấn đề Biển Đông liên quan đến lợi ích của các nước thành viên ASEAN và hòa bình, an ninh trong vùng Đông Nam Á, do đó ASEAN với tư cách là tổ chức khu vực cần tham gia giải quyết các vấn đề ở Biển Đông.

Ngày 22-7-1992 Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN lần thứ 25 họp tại Manila (Philippin) đã ra tuyên bố về Biển Đông trong đó nêu rõ vấn đề chủ quyền ở Biển Đông là vấn đề rất nhạy cảm, phức tạp và liên quan đến lợi ích của nhiều nước, nếu không giải quyết tốt sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hòa bình và ổn định trong khu vực⁽⁷⁾. ASEAN nhấn mạnh sự cần thiết giải quyết các vấn đề chủ quyền và luật biển liên quan đến Biển Đông thông qua các giải pháp hòa bình, không dùng bạo lực. Theo quan điểm của ASEAN, vấn đề Biển Đông phải được giải quyết theo các nguyên tắc sau:

- Tất cả các vấn đề thuộc chủ quyền pháp lý có liên quan đến Biển Đông phải được giải quyết bằng biện pháp hòa bình không dùng vũ lực.

- Thuyết phục các bên liên quan kiềm chế tránh xung đột, trên quan điểm tạo một bầu không khí tích cực cho việc giải quyết có kết quả các vấn đề tranh chấp.

- Tôn trọng chủ quyền và pháp lý của tất cả các nước có quyền lợi trực tiếp tại khu vực, tìm kiếm khả năng hợp tác tại

Biển Đông liên quan đến vấn đề an toàn hàng hải và giao thông, chống ô nhiễm môi trường biển, phối hợp với các hoạt động tìm kiếm và cứu hộ, các cố gắng chống cướp biển cũng như phối hợp trong các chiến dịch chống buôn lậu ma túy.

- Hoan nghênh các bên liên quan áp dụng các nguyên tắc trong Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á như là cơ sở cho việc xây dựng một bộ luật ứng xử quốc tế về Biển Đông.

Năm 1998. Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ VI, Tuyên bố Hà Nội một lần nữa nhấn mạnh: *"giải quyết tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế, kể cả Công ước năm 1982 của Liên Hợp Quốc và Tuyên bố ASEAN về Biển Đông năm 1992, chúng tôi kêu gọi các bên liên quan kiềm chế và tránh những hành động phương hại đến hòa bình, an ninh, ổn định ở khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương"*⁽⁹⁾. Điều đó thể hiện mong muốn của các nước ASEAN là giải quyết tranh chấp bằng con đường hòa bình nhằm duy trì an ninh, ổn định ở Đông Nam Á và khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

Nhìn chung chính sách an ninh ở khu vực Biển Đông của ASEAN thể hiện qua những điểm chủ yếu sau đây:

1. Lấy "Hiệp ước hòa bình hữu nghị Đông Nam Á", "Tuyên ngôn ASEAN về vấn đề Biển Đông" và "Công ước luật biển LHQ" làm căn cứ, chủ trương giải quyết tranh chấp tại khu vực Biển Đông theo khuôn khổ luật pháp kể trên. ASEAN chủ yếu nhấn mạnh dùng phương pháp hòa bình chứ không dựa vào vũ lực để giải quyết tranh chấp về chủ quyền và quyền quản lý tại khu vực Biển Đông, thúc giục

các bên có liên quan đến tranh chấp chủ quyền giữ gìn chế tránh để xảy ra xung đột, tiến hành hợp tác trên các mặt như an toàn giao thông trên biển, bảo vệ môi trường biển, tấn công cướp biển và hoạt động buôn lậu tại khu vực Biển Đông.

2. Sau khi Mỹ và Nga rút phần lớn lực lượng khỏi khu vực Biển Đông, ASEAN triển khai chính sách ngoại giao cân bằng, nhằm ngăn chặn không cho bất kể một nước nào đó lấp chỗ trống quyền lực tại khu vực này sau chiến tranh lạnh. Một số nước ASEAN còn công khai bày tỏ thái độ hoan nghênh lực lượng quân Mỹ ở lại khu vực Biển Đông, cho rằng quân Mỹ ở lại có tác dụng kìm chế ảnh hưởng của các nước lớn khác. Vì vậy sau khi quân Mỹ rút khỏi căn cứ Clac và Subic của Philippin, các nước như Indônêxia, Malaixia và Xingapo đã nhanh chóng đạt được thỏa thuận với Mỹ, cho phép Mỹ sử dụng thiết bị, căn cứ của các nước này. Ngoài ra Philippin và Thái Lan vẫn duy trì liên minh quân sự với Mỹ. Đồng thời ASEAN còn tăng cường quan hệ với các nước như Anh, Pháp, Đức, Ôxtrâyliya, Nga và Tây Ban Nha. Những động thái đó khiến ASEAN tạo được thế cân bằng quyền lực trong khu vực.

3. Thông qua "Diễn đàn an ninh khu vực" (ARF) và "Ủy ban hợp tác an ninh châu Á - Thái Bình Dương" ASEAN tích cực xây dựng cơ chế hợp tác an ninh, đưa ra "Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông".

Sau chiến tranh lạnh, trong vấn đề biển Đông, ASEAN đã thông qua các diễn đàn an ninh đa phương do ASEAN chủ đạo, kéo Trung Quốc và các nước khác vào cơ chế đối thoại của ASEAN⁽¹⁰⁾. Những năm gần đây chính sách ngoại giao của ASEAN tiến hành qua ba giai đoạn là

“Xây dựng lòng tin; phát triển ngoại giao phòng ngừa; và thiết lập cơ chế giải quyết xung đột”. Trong xử lý các vấn đề quốc tế liên quan đến tranh chấp chủ quyền tại khu vực Biển Đông, ASEAN ưu tiên thúc đẩy biện pháp xây dựng lòng tin và đưa ra “Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông”. Qua những cuộc thương lượng tích cực với Trung Quốc, cuối cùng năm 2002, ASEAN đã cùng Trung Quốc ký kết “Tuyên ngôn ứng xử của các bên tại Biển Đông”. Trong đó xác nhận, ASEAN cùng với Trung Quốc thiết lập quan hệ đối tác láng giềng tin cậy, cùng bảo vệ hòa bình và ổn định tại khu vực Biển Đông. Tuyên ngôn nhấn mạnh thông qua hiệp thương và đàm phán hữu nghị, dùng phương pháp hòa bình giải quyết những tranh chấp liên quan đến Biển Đông.

4. Về vấn đề chủ quyền ở Biển Đông, ASEAN chú trọng nguyên tắc điều hòa bất đồng nội bộ, đảm bảo duy trì lập trường đối ngoại thống nhất. Trong việc tranh chấp lãnh thổ ở khu vực Biển Đông, mà cụ thể là tại vùng biển Trường Sa, mặc dù còn tồn tại nhiều bất đồng, tranh chấp trong nội bộ của các nước thành viên ASEAN, nhưng ASEAN vẫn nỗ lực dàn xếp các mâu thuẫn nội khối để đối phó với các lực lượng bên ngoài trong vấn đề biển Đông. ASEAN đã đưa ra “Tuyên ngôn vấn đề Biển Đông” năm 1992 và “Quy tắc ứng xử Biển Đông” năm 1997, nhằm thể hiện lập trường thống nhất của ASEAN.

Trong phạm vi vận dụng quy tắc ứng xử tại Biển Đông, các nước ASEAN cũng rất linh hoạt. Các nước như Philippin, Malaixia chủ trương chỉ thảo luận tranh chấp lãnh hải tại quần đảo Trường Sa, còn Việt Nam chủ trương đưa cả việc tranh

chấp tại quần đảo Hoàng Sa vào chương trình nghị sự, nên vấp phải sự phản đối của Malaixia, tuy nhiên sau đó cả ba nước đều thống nhất đổi thành “Vấn đề khu vực có tranh chấp tại Biển Đông”. Điều này thể hiện rõ quy tắc điều hòa thống nhất của ASEAN trong vấn đề tranh chấp tại khu vực Biển Đông.

5. ASEAN chủ trương, tại khu vực Biển Đông gác lại tranh chấp chủ quyền, hợp tác cùng khai thác. Trong hợp tác khai thác, năm 2002, ASEAN đã cùng với Trung Quốc ký kết “Tuyên ngôn ứng xử của các bên tại Biển Đông”. Theo bản tuyên ngôn này các bên đã xác định chủ đề chính trong hợp tác khai thác, từ đó đưa ra sự đảm bảo về chính trị cho hợp tác khai thác. Ngày 31-8-2002, Chủ tịch Quốc hội Philippin trong cuộc gặp với Chủ tịch Quốc hội Trung Quốc Ngô Bang Quốc đang thăm Manila nêu rõ: Philippin, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á khác có tranh chấp chủ quyền tại khu vực quần đảo Trường Sa, có thể liên doanh khai thác dầu tại quần đảo Trường Sa và hai bên Trung Quốc và Philippin đều bày tỏ nhất trí về quan điểm này. Năm 2004 ba nước Trung Quốc, Philippin và Việt Nam đã ký thỏa thuận cùng nhau thăm dò địa chấn, mà thực chất là thăm dò dầu khí ở các vùng biển tranh chấp tại khu vực Biển Đông. Tháng 9-2004 giữa Việt Nam và Trung Quốc đã ký “Hợp đồng về kỹ thuật công trình dầu khí” với nội dung đặt hai dàn khoan thăm dò dầu khí ở Vịnh Bắc Bộ. Đây là bước phát triển mới về thăm dò, khai thác dầu khí giữa Việt Nam và Trung Quốc. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là những yêu sách đòi chủ quyền của các bên liên quan yếu đi, mà chỉ là những thỏa hiệp tạm thời, thiếu cơ sở

pháp lý cho sự ổn định lâu dài của vùng biển này.

Mặc dù tồn tại dai dẳng, song tranh chấp Biển Đông không đe dọa trực tiếp đến sự tồn tại của các nước liên quan, do đó có thể giải quyết thông qua thương lượng. Như trên đã nêu, các nước ASEAN đã triệu tập một số cuộc họp nhằm thăm dò phương cách tránh xung đột, và trong thực tế không có nước thành viên ASEAN nào muốn đương đầu với Trung Quốc. Xét trên mọi khía cạnh thì Trung Quốc đóng vai trò then chốt đối với bất kì tiến bộ nào trong quá trình tìm kiếm giải pháp cho xung đột ở Biển Đông, cho tới nay Trung Quốc vẫn là nước mạnh nhất trong số các quốc gia tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông, và chưa có dấu hiệu chứng tỏ Trung Quốc sẽ từ bỏ tuyên bố chủ quyền của mình đối với hầu hết các khu vực ở Biển Đông. Điều đó làm cho các nước ASEAN lo lắng và phải có đối sách hợp lý. Cùng với những chính sách mềm dẻo với Trung Quốc, ASEAN cũng tích cực tìm kiếm sự hợp tác với các cường quốc khác, để đảm bảo cân bằng quyền lực ở Biển Đông.

3. Triển vọng về một giải pháp hòa bình

An ninh ở Biển Đông phụ thuộc chủ yếu vào vấn đề làm thế nào để giải quyết tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa. Triển vọng về một giải pháp hòa bình cho vấn đề này hiện còn gặp nhiều khó khăn.

Về mặt pháp lý, tại điều 123 của công ước Liên Hợp Quốc về luật biển đã khuyến khích hợp tác khu vực để quản lý vùng biển đã xác định hay bán xác định như Biển Đông. Công ước này sẽ tạo ra một khuôn khổ pháp lý để trên cơ sở đó

giải quyết các vấn đề biên giới trên biển, hầu hết các quốc gia có tranh chấp chủ quyền tại Trường Sa đều thừa nhận luật biển quốc tế và chính điều đó buộc họ phải có thái độ mềm mỏng hơn về tuyên bố chủ quyền của mình. Tuy vậy công ước này vẫn chưa đủ mạnh để đề cập đến chủ quyền với các đảo. Các nước Malaixia và Brunây tuyên bố chủ quyền đối với Trường Sa trên cơ sở áp dụng các điều luật quốc tế về quyền tài phán trên biển, trong khi đó Trung Quốc và Việt Nam lại tuyên bố chủ quyền dựa vào nguồn gốc lịch sử.

Việc tìm một tòa án công lý quốc tế làm trọng tài phân xử là một biện pháp theo hướng pháp lý để giải quyết tranh chấp ở Trường Sa. Tuy nhiên trong quá trình phân xử pháp lý lại không có quyền ép buộc bất cứ bên tranh chấp nào hay tất cả các bên phải đồng ý đưa vấn đề tranh chấp ra trước tòa án công lý. Trừ Malaixia, không có quốc gia nào sẵn sàng đưa những cuộc tranh chấp ở Trường Sa ra tòa pháp lý để giải quyết. Đặc biệt, Trung Quốc nói rằng sẽ không chấp nhận bất cứ sự dính líu nào của bên ngoài vào việc giải quyết vấn đề Trường Sa.

Những nỗ lực của ASEAN thông qua Diễn đàn an ninh khu vực (ARF) cũng như các sáng kiến của Ấn-Đông Nam Á về giải quyết tranh chấp ở Biển Đông đều chưa mang lại giải pháp hiệu quả. Chức năng chính của ARF chỉ là tìm ra các biện pháp xây dựng lòng tin giữa các bên tranh chấp. ARF chưa được trang bị đầy đủ để giải quyết các cuộc xung đột và lợi ích của các nước tham gia ARF còn rất khác nhau. Hơn nữa lập trường của Trung Quốc trong vấn đề tranh chấp ở Trường Sa là phải

giải quyết trên cơ sở đàm phán song phương, không chấp nhận đàm phán đa phương với các nước ASEAN.

Phương án “Phát triển chung” được Indônêxia đưa ra như một biện pháp nhằm giảm xung đột ở Trường Sa, phương án này có thể làm giảm căng thẳng trong khu vực, song chỉ là những thỏa hiệp tạm thời. Trung Quốc chỉ đồng ý tham gia khai thác chung với điều kiện là chủ quyền của họ ở Trường Sa không bị đe dọa, trên thực tế lập trường của Trung Quốc là phủ nhận chương trình “Phát triển chung”.

Tranh chấp lãnh thổ về biên giới trên bộ, trên biển hay ở bất cứ nơi nào khác đều rất khó giải quyết, bởi chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các nước tranh chấp là một vấn đề thiêng liêng và dễ bị tổn thương. Xung đột ở Biển Đông có lẽ còn gay gắt hơn các tranh chấp bình thường khác, bởi vì các nước tranh chấp đều đã từng bị xâm phạm chủ quyền trong thời gian dài nên họ rất nhạy cảm về vấn đề chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Các nước có liên quan phải có chính sách từng bước tăng cường sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế và tham gia tích cực vào nhiều tổ chức quốc tế khác nhau. Những vấn đề này sẽ hạn chế chủ nghĩa dân tộc cực đoan và tham vọng lãnh thổ, làm cho các bên xung đột nhận thức ra rằng “*chủ quyền lãnh thổ là một vấn đề có thể thỏa hiệp chứ không phải là bất biến hay thiêng liêng*”⁽¹²⁾. Tranh chấp Biển Đông đã bước vào giai đoạn mới, trong bối cảnh quốc tế hiện nay các quốc gia đều đã tuyên bố chủ quyền ở khu vực này, do vậy cần phát huy những yếu tố tích cực trong quan hệ khu vực và quốc tế, tăng cường hợp tác tại các khu vực có thể ở Biển

Đông. Những giải pháp đó sẽ góp phần biến Biển Đông thành khu vực an ninh ổn định và hợp tác cùng phát triển./

CHÚ THÍCH

1. Xem thêm; Trần Khánh, *Những vấn đề chính trị kinh tế Đông Nam Á thập niên đầu thế kỉ XXI*, NXB KHXH, 2006, tr 65-73.
2. Trần Hiệp, *ASEAN và vấn đề Biển Đông*, Tạp chí Đông Nam Á, số 3+4 năm 2002, Tr 10.
3. Mely, *Regional Security in Southeast Asia: Beyond the ASEAN Way*, Singapore, 2005, p.76.
4. Trần Hiệp, *ASEAN và vấn đề Biển Đông*, Tạp chí Đông Nam Á, số 3+4 năm 2002, Tr 10.
5. Xem thêm; Pan Shiyong - *Sự phát triển các nguồn tài nguyên gây náo động quần đảo Trường Sa*, Ban Đối ngoại Trung ương, 1995.
6. Ogawa Shinichi; *Tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông và an ninh trên biển*, Tin tham khảo chủ nhật, TTXVN, Ngày 19-10-1997, tr.2.
7. Xem thêm; Alan Collins, *Security and Southeast Asia*, Singapore, 2003.
8. Xem thêm; Trần Khánh, *Những vấn đề chính trị kinh tế Đông Nam Á thập niên đầu thế kỉ XXI*, NXB KHXH, 2006, tr 65-73.
9. Vũ Dương Ninh; *Việt Nam - ASEAN quan hệ song phương và đa phương*, NXB CTQG. Hà Nội. 2004, tr.28.
10. Xem thêm; *Trung Quốc - ASEAN: Lập trường và chính sách trong giải quyết khủng hoảng Biển Đông*. Tài liệu tham khảo chủ nhật, TTXVN, ngày 16-7-2006.
11. Triệu Thân: *Quan niệm mới về an ninh Đông Nam Á*, Tin tham khảo chủ nhật, TTXVN, ngày 19-7-1998, tr 12-20.
12. Ogawa Shinichi: *Tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông và an ninh trên biển*, Tin tham khảo chủ nhật, TTXVN, Ngày 19-10-1997, tr 10-11.